TÒA ÁN NHÂN DÂN H. PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2018
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thành và ông Hồ Sỹ Định.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2018, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Đội A thôn T, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Ái M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thú 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/11/2016 cùng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Lê Ái M có đăng ký kết hôn UBND xã L, huyện Phú L, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 01/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau, anh M không có trách nhiệm với vợ con, hay đi đánh bài. Trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Từ tháng 08/2017 chị và anh M sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị N không còn tình thương yêu anh M nữa. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 1 người con chung là Lê Ái Nhân Đ, sinh ngày 21/6/2012. Chị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị N đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị N; Bản sao sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lê Đ; Bản sao Giấy khai sinh Lê Ái Nhân Đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Ái M nhưng trong thời hạn luật định anh M không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2018, Ủy ban nhân dân xã L và gia đình anh Lê Ái M cho biết gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo, giao lại cho anh M (gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng anh M không đến Tòa án.

Do anh Lê Ái M vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2018, anh Lê Ái M vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa 30/5/2018, đồng thời tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho anh M. Tại phiên tòa hôm nay, anh M tiếp tục vắng mặt lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không rõ lý do làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N; giao cháu Lê Ái Nhân Đ là con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ; đề nghị Tòa án xử buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ái M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị N và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau, quan hệ vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm tháng 8/2017 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo hòa giải nhưng anh M cố tình vắng mặt, thể hiện sự bất cần về quan hệ hôn hôn của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh M có 1 người con chung là Lê Ái Nhân Đ, sinh ngày 21/6/2012. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị N có việc làm và thu nhập ổn định để đảm bảo sự phát triển thể chất và việc học tập của cháu Đ. Nên cần giao cháu Lê Ái Nhân Đ cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy nghĩa vụ nuôi con là của cả vợ chồng, chị N yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần gì của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Chị N được ly hôn anh Lê Ái M.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Lê Ái Nhân Đ, sinh ngày 21/6/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lê Ái M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đức đủ 18 tuổi.

Anh Lê Ái M có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Ái M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói

trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngoan đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001848 ngày 30/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị Ngoan đã nộp đủ..

- Anh Lê Ái M phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN SANG

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Phú Lộc;
- Chi cục THADS Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.